

Số: 534/QĐ-UBND

Hóc Môn, ngày 15 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp  
Tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN tại địa phương;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện tại Tờ trình số 814/TTr-VP ngày 15/10/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Thủ trưởng các phòng chuyên môn; Ban Chỉ đạo ISO; Cán bộ, công chức, người lao động thuộc Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở KHCN (để báo cáo);
- TT.UBND huyện: CT, các PCT;
- Lưu: VT, KN.

**CHỦ TỊCH**



**Dương Hồng Thắng**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

**BẢN CÔNG BỐ**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn  
phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015  
đối với hoạt động quản lý nhà nước**

*(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 534/QĐ-UBND  
ngày 15 tháng 10 năm 2024)*

**Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ký.**

**Hóc Môn, ngày 15 tháng 10 năm 2024**

**CHỦ TỊCH**



**Dương Hồng Thắng**

PHỤ LỤC  
**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC  
MÔN ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN  
ISO 9001:2015**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu
<b>Quy trình giải quyết thủ tục hành chính</b>		
<b>I. PHÒNG NỘI VỤ</b>		
<b>1. Lĩnh vực Tôn giáo (Quyết định số 3220/QĐ-UBND ngày 15/8/2024)</b>		
1.	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo	QT-01/TG
2.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT-02/TG
3.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT-03/TG
4.	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT-04/TG
5.	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT-05/TG
6.	Thủ tục đề nghị tổ chức Đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT-06/TG
7.	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-07/TG
8.	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT-08/TG
<b>2. Lĩnh vực Phi chính phủ (Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 21/6/2023)</b>		
9.	Công nhận ban vận động thành lập hội	QT-01/PCP
10.	Phê duyệt điều lệ hội	QT-02/PCP
11.	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	QT-03/PCP
<b>3. Lĩnh vực Thi đua khen thưởng (Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 02/7/2024)</b>		
12.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp	QT-01/TĐKT

	huyện cho cá nhân, tập thể theo công trạng	
13.	Thủ tục tặng Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	QT-02/TĐKT
14.	Thủ tục tặng Danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở	QT-03/TĐKT
15.	Thủ tục Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT-04/TĐKT
16.	Thủ tục Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo chuyên đề	QT-05/TĐKT
17.	Thủ tục Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất	QT-06/TĐKT
18.	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho hộ gia đình	QT-07/TĐKT
<b>4. Lĩnh vực công chức (Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 09/02/2023)</b>		
19.	Tiếp nhận vào làm công chức	QT-01/CC
20.	Thi tuyển công chức	QT-02/CC
<b>5. Lĩnh vực viên chức (Quyết định 2158/QĐ-UBND ngày 18/6/2024; Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 29/3/2024)</b>		
21.	Thủ tục tiếp nhận vào làm viên chức không giữ chức vụ quản lý	QT-01/VC
22.	Thủ tục thi tuyển viên chức	QT-02/VC
23.	Thủ tục xét tuyển viên chức	QT-03/VC
<b>6. Lĩnh vực Tổ chức hành chính (Quyết định số 3630/QĐ-UBND ngày 19/10/2021)</b>		
24.	Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện.	QT-01/TCHC
25.	Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện.	QT-02/TCHC
26.	Thủ tục thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện.	QT-03/TCHC
<b>7. LV thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 19/10/2021)</b>		
27.	Thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-01/ĐVSN
28.	Thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-02/ĐVSN
29.	Thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-03/ĐVSN
<b>7. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 04/6/2018)</b>		
30.	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập trực thuộc UBND cấp huyện	QT-01/BTXH
31.	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	QT-02/BTXH

<b>8. Lĩnh vực Quỹ xã hội, quỹ từ thiện (Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 19/5/2023)</b>		
32.	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ.	QT-01/QXH,QTT
33.	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và Công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	QT-02/QXH,QTT
34.	Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	QT-03/QXH,QTT
35.	Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	QT-04/QXH,QTT
36.	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT-05/QXH,QTT
37.	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động	QT-06/QXH,QTT
38.	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động và kiện toàn, chuyển đổi quỹ	QT-07/QXH,QTT
39.	Đổi tên quỹ	QT-08/QXH,QTT
40.	Tự giải thể quỹ	QT-09/QXH,QTT
<b>9. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp</b>		
41.	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập	QT-01/GDNN
42.	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	QT-02/GDNN
43.	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	QT-03/GDNN
<b>II. PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>		
<b>Lĩnh vực giáo dục và đào tạo</b>		
44.	Xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đối với các cơ sở giáo dục	QT-01/GD&ĐT
45.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-02/GD&ĐT
46.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT-03/GD&ĐT
47.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-04/GD&ĐT
48.	Thủ tục cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại.	QT-05/GD&ĐT
49.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT-06/GD&ĐT
50.	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	QT-07/GD&ĐT
51.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục 8	QT-08/GD&ĐT

52.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học 9	
53.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT-10/GD&ĐT
54.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT-11/GD&ĐT
55.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	QT-12/GD&ĐT
56.	Thủ tục cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT-13/GD&ĐT
57.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	QT-14/GD&ĐT
58.	Sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở	QT-15/GD&ĐT
59.	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT-16/GD&ĐT
60.	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	QT-17/GD&ĐT
61.	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	QT-18/GD&ĐT
62.	Quy trình đánh giá, xếp loại “cộng đồng học tập” cấp xã	QT-19/GD&ĐT
63.	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	QT-20/GD&ĐT
64.	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	QT-21/GD&ĐT
65.	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT-22/GD&ĐT
66.	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT-23/GD&ĐT
67.	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT-24/GD&ĐT
68.	Thủ tục chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT-25/GD&ĐT
69.	Thủ tục <i>Chuyển đổi trường Tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận</i>	QT-26/GD&ĐT
70.	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	QT-27/GD&ĐT
71.	Thủ tục xét, cấp học bổng chính sách.	QT-28/GD&ĐT
72.	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	QT-29/GD&ĐT
<b>2. Lĩnh vực hệ thống văn bản, chứng chỉ (Quyết định số 1405/QĐ-UBND ngày</b>		

<b>27/4/2020)</b>		
73.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	QT-32/GD&ĐT
74.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	QT-33/GD&ĐT
<b>III. PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH</b>		
<b>1. Lĩnh vực Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu (Quyết định số 6390/QĐ-UBND ngày 11/12/2017)</b>		
75.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận, huyện	QT-01/ĐT
76.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận – huyện	QT-02/ĐT
<b>2. Lĩnh vực Đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư (Quyết định số 6390/QĐ-UBND ngày 11/12/2017)</b>		
77.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	QT-01/ĐT,LCĐT
78.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	QT-02/ĐT,LCĐT
<b>3. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh, Đăng ký thuế (Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 13/6/2018)</b>		
79.	Nhóm thủ tục liên thông đăng ký hộ kinh doanh và đăng ký thuế	QT-01/LT
<b>4. Lĩnh vực Đăng ký thành lập Hộ kinh doanh (Quyết định số 3703/QĐ-UBND ngày 05/9/2023)</b>		
80.	Đăng ký thành lập Hộ kinh doanh	QT-01/HKD
81.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Hộ kinh doanh	QT-02/HKD
82.	Tạm Ngừng, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	QT-03/HKD
83.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh	QT-04/HKD
84.	Châm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT-05/HKD
<b>5. Lĩnh vực THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ (Quyết định Số: 3583/QĐ-UBND ngày 29/8/2024)</b>		
85.	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	QT-01/HTX
86.	Đề nghị hủy bỏ Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	QT-02/HTX
87.	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực	QT-03/HTX

	thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	
88.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	QT-04/HTX
89.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	QT-05/HTX
90.	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	QT-06/HTX
91.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	QT-07/HTX
92.	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	QT-08/HTX
93.	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-09/HTX
94.	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	QT-10/HTX
95.	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-11/HTX
96.	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	QT-12/HTX
97.	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-13/HTX
98.	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-14/HTX
99.	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-15/HTX
100.	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	QT-16/HTX
101.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	QT-17/HTX
102.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	QT-18/HTX
103.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-19/HTX
104.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	QT-20/HTX
105.	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-21/HTX



106.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;	QT-22/HTX
107.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QT-23/HTX
108.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-24/HTX
109.	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-25/HTX
110.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT-26/HTX
<b>6. Lĩnh vực quản lý công sản (Quyết định số Số: 5696/QĐ-UBND ngày 8/12/2023)</b>		
111.	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	QT-01/QLCS
112.	Mua quyền hóa đơn	QT-02/QLCS
113.	Mua hóa đơn lẻ	QT-03/QLCS
<b>IV. THANH TRA HUYỆN (Quyết định số 3720/QĐ-UBND ngày 02/11/2021)</b>		
<b>1. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại</b>		
114.	Giải quyết khiếu nại lần đầu	QT-01/GQKN
115.	Giải quyết khiếu nại lần hai	QT-02/GQKN
<b>2. Lĩnh vực giải quyết tố cáo (Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 05/6/2020)</b>		
116.	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	QT-01/GQTC
<b>3. Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng (Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 17/6/2022)</b>		
117.	Kê khai tài sản, thu nhập	QT-01/TTr
118.	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT-02/TTr
119.	Thực hiện việc giải trình	QT-03/TTr
<b>V. PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ</b>		
<b>1. Lĩnh vực Xây dựng (Quyết định số 4261/QĐ-UBND ngày 23/9/2023)</b>		
120.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ	QT-01/XD
121.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo	QT-02/XD

	giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ	
122.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ	QT-03/XD
123.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ	QT-04/XD
124.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ	QT-05/XD
125.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ	QT-06/XD
<b>2. Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật (Quyết định số 5392/QĐ-UBND ngày 25/12/2019)</b>		
126.	Cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị	QT-01/HTKT
<b>3. Lĩnh vực Đường bộ (Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 31/01/2019)</b>		
127.	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-01/ĐB
128.	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-02/ĐB
129.	Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-03/ĐB
130.	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QT-04/ĐB
131.	Thủ tục cấp giấy phép tạm thời một phần lòng đường, hè phố	QT-05/ĐB
<b>4. Lĩnh vực đường thủy nội địa (Quyết định số 1314/QĐ-UBND ngày 19/4/2024)</b>		
132.	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	QT-01/ĐTNĐ
133.	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT-02/ĐTNĐ
134.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT-03/ĐTNĐ

135.	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT-04/ĐTND
136.	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	QT-05/ĐTND
137.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	QT-06/ĐTND
138.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT-07/ĐTND
139.	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	QT-08/ĐTND
140.	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT-09/ĐTND
141.	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	QT-10/ĐTND
142.	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	QT-11/ĐTND
143.	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	QT-12/ĐTND
<b>4. Lĩnh vực Nhà ở (Quyết định số 3493/QĐ-UBND ngày 05/7/2017)</b>		
144.	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận, huyện	QT-01/NO
<b>5. Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng (Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 23/8/2021)</b>		
145.	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng	QT-01/QH
<b>6. Lĩnh vực Quy hoạch Kiến trúc (Quyết định số 2542/QĐ-UBND ngày 28/7/2022)</b>		
146.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT-01/QHKT
147.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT-02/QHKT
<b>VI. PHÒNG KINH TẾ</b>		
<b>1. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa (Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 27/4/2023; QĐ số 430/qđ-UBND ngày 5/2/2024)</b>		
148.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-01/LTHH
149.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-02/LTHH
150.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-03/LTHH

151.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-04/LTHH
152.	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT-05/LTHH
153.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT-06/LTHH
154.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	QT-07/LTHH
155.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-08/LTHH
156.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-09/LTHH
157.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-10/LTHH
158.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-11/LTHH
159.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-12/LTHH
<b>2. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn (Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 13/6/2019)</b>		
160.	Hỗ trợ dự án liên kết	QT-01/KT
<b>3. Lĩnh vực Thủy lợi (Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 09/02/2023)</b>		
161.	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	QT-01/TL
162.	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT-02/TL
163.	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT-03/TL
164.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	QT-04/TL
165.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	QT-05/TL
<b>Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 24/1/2024</b>		
166.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân tỉnh	QT-06/TL
167.	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	QT-07/TL
168.	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội	QT-08/TL

	địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Ủy ban nhân dân tỉnh	
169.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	QT-09/TL
170.	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	QT-10/TL
171.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	QT-11/TL
172.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	QT-12/TL
173.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	QT-13/TL
174.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	QT-14/TL
175.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	QT-15/TL
176.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại yoor chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	QT-16/TL
177.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	QT-17/TL
<b>Lĩnh vực thủy sản (Quyết định số 1795/QĐ-UBND ngày 23/5/2024)</b>		
178.	Thủ tục công bố mở cảng cá loại 3	QT-01/TS

<b>Lĩnh vực Cụm Công nghiệp (quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 25/4/2024)</b>		
179.	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	QT-01/CCN
<b>LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP: Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố</b>		
180.	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư (1.007919)	QT-01/LN
<b>VII. PHÒNG TƯ PHÁP</b>		
<b>1. Lĩnh vực Hộ tịch (Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 28/6/2024)</b>		
181.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-01/HT
182.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-02/HT
183.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-03/HT
184.	Đăng ký việc nhận cha mẹ con có yếu tố nước ngoài	QT-04/HT
185.	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha mẹ con có yếu tố nước ngoài	QT-05/HT
186.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-06/HT
187.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-07/HT
188.	Đăng ký Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT-08/HT
189.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-09/HT
190.	Ghi vào sổ việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-10/HT
191.	Ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh, giám hộ; nhận cha, mẹ, con, xác định cha mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch (sau đây gọi là các việc hộ tịch khác) của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-11/HT
192.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-12/HT
193.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-13/HT
194.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-14/HT
195.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-15/HT
196.	Xác nhận thông tin hộ tịch	QT-16/HT
197.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-17/HT
<b>2. Lĩnh vực Chứng thực (Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29/6/2018)</b>		
198.	Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức	QT-01/CT

	có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	
199.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (thủ tục này cũng được áp dụng trong trường hợp chứng thực điểm chỉ khi người yêu cầu chứng thực chữ ký không ký được và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được)	QT-02/CT
200.	Chứng thực chữ ký người dịch là cộng tác viên của Phòng tư pháp	QT-03/CT
201.	Chứng thực chữ ký đối với người không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng tư pháp	QT-04/CT
202.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-05/CT
203.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-06/CT
204.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-07/CT
205.	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-08/CT
<b>3. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (Quyết định số 6048/QĐ-UBND ngày 28/12/2018)</b>		
206.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT-01/BTNN
207.	Phục hồi danh dự	QT-02/BTNN
<b>4. Lĩnh vực Nuôi con nuôi (Quyết định số 5962/QĐ-UBND ngày 27/12/2023)</b>		
208.	Ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-01/NCN
<b>Nhóm Thủ tục hành chính liên thông cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh (Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024)</b>		
209.	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT-01/LT
210.	Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	QT-02/LT
<b>VIII. PHÒNG VĂN HÓA THÔNG TIN (Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2023)</b>		
<b>1. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 06/01/2023</b>		
211.	Đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	QT-01/VH
212.	Thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	QT-02/VH
<b>2. Lĩnh vực Thư viện (Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 23/11/2022)</b>		
213.	Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-01/TV

214.	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-02/TV
215.	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-03/TV
<b>IX. PHÒNG LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI</b>		
<b>1. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>		
216.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT-01/BTXH
217.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	QT-02/BTXH
218.	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng LĐTB&XH	QT-03/BTXH
219.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng LĐTB&XH	QT-04/BTXH
220.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT-05/BTXH
<b>2. Lĩnh vực Chính sách có công (Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 18/10/2022)</b>		
221.	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	QT-01/CSC
222.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-02/CSC
223.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT-03/CSC
224.	Thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-04/CSC
<b>3. Lĩnh vực Trẻ em (Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 04/6/2018)</b>		
225.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT-01/TE
226.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT-02/TE



<b>4. Lĩnh vực Lao động tiền lương</b>		
227.	Đăng ký, đăng ký lại nội quy lao động của doanh nghiệp	QT-01/LĐTL
<b>5. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp</b>		
228.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	QT-04/GDNN
229.	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục	QT-05/GDNN
<b>6. Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội (Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 29/7/2022; Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 22/8/2022)</b>		
<b>Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 22/8/2022</b>		
230.	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-01/PCTNXH
<b>Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 29/7/2022</b>		
231.	Công bố lại tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-02/PCTNXH
232.	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-03/PCTNXH
<b>7. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo (Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 25/01/2021)</b>		
233.	Thủ tục xét, cấp học bổng chính sách (đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục dành cho thương binh, người khuyết tật)	QT-01/GDĐT
<b>8. Lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước (Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2024 )</b>		
234.	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	QT-01/QLLĐNN
<b>X. PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b>		
<b>1. Lĩnh vực Đất đai (Quyết định số 3582/QĐ-UBND ngày 28/8/2024)</b>		
235.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	QT-01/ĐĐ
236.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy	QT-02/ĐĐ

	định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	
237.	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là cá nhân	QT-03/ĐĐ
238.	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QT-04/ĐĐ
239.	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QT-05/ĐĐ
240.	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QT-06/ĐĐ
241.	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	QT-07/ĐĐ
242.	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân	QT-08/ĐĐ
243.	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất	QT-09/ĐĐ
244.	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	QT-10/ĐĐ
245.	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	QT-11/ĐĐ
246.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	QT-12/ĐĐ
247.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	QT-13/ĐĐ
248.	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin	QT-14/ĐĐ

	gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	
249.	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	QT-15/ĐĐ
250.	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân	QT-16/ĐĐ
251.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp huyện	QT-17/ĐĐ
<b>2 Lĩnh vực Tài nguyên nước (Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 04/7/2024)</b>		
252.	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là UBND cấp huyện)	QT-01/TNN
253.	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	QT-02/TNN
<b>3. Lĩnh vực môi trường (Quyết định số 4945/QĐ-UBND ngày 31/10/2023)</b>		
254.	Cấp giấy phép môi trường	QT-01/MT
255.	Cấp đổi Giấy phép môi trường	QT-02/MT
256.	Cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường	QT-03/MT
257.	Cấp lại Giấy phép môi trường	QT-04/MT
<b>XI. VĂN PHÒNG HĐND&amp;UBND HUYỆN</b>		
<b>1. LV Tiếp công dân (Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 23/6/2022)</b>		
258.	Tiếp công dân	QT-01/TCD
<b>2. Lĩnh vực Xử lý đơn (Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 01/8/2022)</b>		
259.	Xử lý đơn	QT-01/XLD
<b>XII. PHÒNG Y TẾ</b>		
260.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	QT-01/YT

Số: 814 /TTr-VP

Hóc Môn, ngày 15 tháng 10 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

**Về ban hành Quyết định công bố Hệ thống quản lý chất lượng  
phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015**

Kính gửi: Đ/c Dương Hồng Thắng - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Căn cứ Kế hoạch số 361/KH-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn thực hiện duy trì và mở rộng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại huyện Hóc Môn năm 2024,

Văn phòng HĐND – UBND huyện đã tham mưu Ủy ban nhân dân huyện dự thảo Quyết định công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015 (đính kèm dự thảo Quyết định, bản công bố và phụ lục kèm theo).

Văn phòng HĐND – UBND huyện báo cáo và kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận: *th*

- Như trên;
- VP.HĐND và UBND huyện: C, PCVP/KT-QT;
- Lưu: VT, KN.

CHÁNH VĂN PHÒNG  
  
*mah*  
Lê Thị Mộng Nghi